

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN UYÊN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/KDTM-ST
Ngày: 23-9-2022
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua
bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

- 1/ Ông Huỳnh Sơn Tây;
- 2/ Ông Nguyễn Thanh Càn.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Nam - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tân Uyên tham gia phiên tòa:
Bà Lê Thị Ngọc Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 45/2022/TLST-KDTM ngày 17/5/2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2022/QĐXXST-KDTM ngày 10 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Một thành viên năng lượng A; địa chỉ: Cụm công nghiệp H 3, xã H 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lê Hữu Đ, sinh năm 1961; địa chỉ: Số 41A đường N, phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/4/2022); có mặt.

Bị đơn: Công ty TNHH D; địa chỉ: Số 72 tổ 1, khu phố T, phường T, thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp: Bà Hồ Thị Thu H, chức vụ Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật; địa chỉ: Số 148/24 đường số 8, phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 27/4/2022, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, ông Lê Hữu Đ thống nhất trình bày:

Từ năm 2018, Công ty TNHH Một thành viên năng lượng A (gọi tắt là A) và Công ty TNHH D (gọi tắt là D) là đối tác mua bán hàng hóa với nhau. Hai bên có ký hợp đồng nguyên tắc mua bán hàng hóa, theo đó A đã bán hàng hóa là gỗ thông xẻ sấy nhập khẩu theo đặt hàng cho D. Hai bên thỏa thuận thanh toán theo hình thức: Sau khi giao hàng, hai bên chốt công nợ, A xuất hóa đơn, D có trách nhiệm thanh toán 100% tiền hàng và thuế giá trị gia tăng cho A bằng chuyển khoản trong vòng 07 ngày tính từ ngày nhận đủ hàng. Sau 07 ngày, nếu D chưa thanh toán đúng hạn thì phải chịu lãi suất phạt 0,1% cho 01 ngày thanh toán trễ đối với số tiền còn nợ.

Tuy nhiên D không thanh toán số tiền mua hàng theo đúng thỏa thuận. A đã tạo điều kiện và nhiều lần yêu cầu D trả số tiền mua hàng còn nợ nhưng D không thanh toán.

Đến ngày 31/01/2020, hai bên đối chiếu công nợ và chốt số nợ là 549.461.485 đồng, cụ thể:

- Hóa đơn số 0000132 ngày 04/10/2019 số tiền 285.695.768 đồng;
 - Hóa đơn số 0000145 ngày 10/10/2019 số tiền 263.765.717 đồng;
- Sau đó D có thanh toán cho A tổng số tiền 80.000.000 đồng, cụ thể:
- Ngày 04/8/2020 thanh toán 40.000.000 đồng;
 - Ngày 07/9/2020 thanh toán 20.000.000 đồng;
 - Ngày 27/11/2020 thanh toán 10.000.000 đồng;
 - Ngày 25/02/2021 thanh toán 10.000.000 đồng;

Tổng số nợ còn lại là 469.461.485 đồng.

Đến nay D vẫn chưa thanh toán cho A, do đó A khởi kiện yêu cầu: D phải thanh toán cho A tổng số tiền 749.749.824 đồng, trong đó nợ gốc 469.461.485 đồng; phạt vi phạm hợp đồng 08% giá trị hợp đồng là 37.556.919 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/3/2022 là 242.731.420 đồng. Tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện về phạt hợp đồng, thay đổi số tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/3/2022 là 164.311.519 đồng. Tổng số tiền yêu cầu thay đổi là 633.773.004 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Giấy triệu tập tham gia tố tụng nhưng người đại diện hợp

pháp của bị đơn không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng không có văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm tại phiên tòa sơ thẩm như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định, bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án là tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng.

Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ gốc, tiền lãi chậm trả là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Nguyên đơn rút phần yêu cầu phạt hợp đồng là hoàn toàn tự nguyện, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết:

Các đương sự đều có tư cách pháp nhân, tranh chấp với nhau hợp đồng mua bán hàng hóa phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở chính tại thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, việc thực hiện hợp đồng cũng tại thị xã Tân Uyên. Việc các đương sự thỏa thuận Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết là không đúng thẩm quyền. Do đó, tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:

Tòa án đã triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của bị đơn tham gia phiên tòa lần thứ hai theo quy định nhưng người đại diện hợp pháp của bị đơn tiếp tục vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, lý do khởi kiện, căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 633.773.004 đồng, trong đó nợ gốc 469.461.485 đồng và tiền lãi chậm trả tính đến ngày 31/3/2022 là 164.311.519 đồng. Chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là

có căn cứ, nguyên đơn cung cấp Hợp đồng nguyên tắc số 01/2018 HĐNT AVP – DPL ngày 22/9/2018, 02 Hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất cho phía bị đơn khi mua bán hàng hóa, kèm theo các phiếu xuất kho, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2020, 02 công văn của D có nội dung thể hiện lý do không thanh toán nợ đúng hạn.

[3.1] Xác định tiền nợ gốc: Căn cứ số tiền ghi trên 02 hóa đơn giá trị gia tăng, Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/01/2020 giữa hai bên xác định tổng số tiền hàng là 549.461.485 đồng. Căn cứ sao kê của Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng tính đến nay D mới thanh toán cho A số tiền 80.000.000 đồng. Như vậy số tiền hàng mà D còn chưa thanh toán là 469.461.485 đồng.

[3.2] Về tiền lãi chậm trả: Căn cứ Điều 306 Luật Thương mại quy định: “Bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả”. Theo mức lãi suất do Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương, Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn – Chi nhánh thị xã Tân Uyên và Ngân hàng Sacombank – Phòng giao dịch Tân Uyên – Chi nhánh Bình Dương cung cấp xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình, nguyên đơn yêu cầu áp dụng 15%/năm là phù hợp. Tính đến ngày 31/3/2022 tổng tiền lãi chậm trả 164.311.519 đồng.

[4] Quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của bị đơn không tham gia tố tụng là đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tố tụng được pháp luật quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Không trực tiếp tham gia tố tụng, bị đơn cũng không gửi văn bản nêu ý kiến của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không cung cấp các tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn dù biết rõ nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của mình. Điều này cho thấy bị đơn có ý thức không quan tâm và bỏ mặc cho hậu quả pháp lý có thể xảy ra. Xét tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp xác định yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

[5] Tại phiên tòa, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt vi phạm hợp đồng là tự nguyện, Hội đồng xét xử xem xét đình chỉ theo quy định.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp.

[7] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 233, Điều 227, Điều 228, Điều 257, Điều 266, Điều 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 24, Điều 50, 306 của Luật Thương mại;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Một thành viên năng lượng A về việc tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa với bị đơn Công ty TNHH D.

- Buộc Công ty TNHH D phải thanh toán cho Công ty TNHH Một thành viên năng lượng A tổng số tiền số tiền 633.773.004 đồng (Sáu trăm ba mươi ba triệu bảy trăm bảy mươi ba nghìn lẻ bốn đồng) gồm nợ gốc 469.461.485 đồng và lãi chậm trả: 164.311.519 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Một thành viên năng lượng A về việc yêu cầu phạt vi phạm hợp đồng đối với Công ty TNHH D số tiền 37.556.919 đồng

3. Về án phí sơ thẩm:

- Buộc Công ty TNHH D phải chịu 29.350.920 đồng (Hai mươi chín triệu ba trăm năm mươi nghìn chín trăm hai mươi đồng) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Trả lại cho Công ty TNHH Một thành viên năng lượng A 16.995.000 đồng (Mười sáu triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0005931 ngày 12/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Uyên.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Tân Uyên;
- Chi cục THADS thị xã Tân Uyên;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HS.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Đình Hưởng